

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/DS-ST

Ngày: 28/4/2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Ông Nguyễn Văn Trường.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2020/TLST-DS, ngày 09 tháng 10 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-DS, ngày 06 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B.

Trụ sở: Số 210 Trần Quang Kh, phường Tr, Quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu T – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP B chi nhánh H.

Người được ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Lê Hoàng Tr – Chức vụ: Chuyên viên Tổ khách hàng - Ngân hàng TMCP B chi nhánh H – Phòng giao dịch L, có mặt.

Địa chỉ: Số 16-18 đường 30/4, khu vực 2, phường Th, thị xã L, tỉnh H.

2. Bị đơn: Ông Lê Công V – sinh năm 1960, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Th – sinh năm 1967, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý, nguyên đơn Ngân hàng TMCP B trình bày nội dung khởi kiện với các yêu cầu như sau:

- Ngân hàng TMCP B chi nhánh H – Phòng giao dịch L có cho ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th vay số tiền 100.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số HĐTD803201805115, ngày 02/02/2018, mục đích vay trồng lúa và nuôi heo. Thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất thỏa thuận: Lãi trong hạn là 11,5%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi được điều chỉnh 03 tháng 01 lần. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng, ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th không trả nợ đúng kỳ hạn và ông Lê Công V tự ý rời khỏi địa phương, Ngân hàng không liên lạc được. Ngân hàng có làm việc với bà Nguyễn Thị Th nhưng đến nay ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th vẫn không thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Đến ngày 28/4/2021, ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th còn nợ Ngân hàng tiền vốn gốc là 80.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2.323.037 đồng và lãi quá hạn là 48.894.247 đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th phải trả hết số tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử theo hợp đồng thỏa thuận là 51.217.284 đồng, tổng cộng bằng 131.217.284 đồng. Đồng thời, Ngân hàng yêu cầu ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th phải tiếp tục chịu lãi suất theo quy định của hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi tất toán khoản vay.

Khi ký hợp đồng tín dụng, tuy phía bị đơn không ký hợp đồng thế chấp tài sản nhưng có giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 283686, cấp ngày 17/7/2009, do vợ chồng ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th nhận tặng cho từ bà Trần Kim Định vào ngày 18/6/2009, cho Ngân hàng để bảo đảm cho số tiền vay. Nay Ngân hàng đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho vợ chồng ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th khi vợ chồng ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th trả hết số nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày trong bản tự khai ngày 05/11/2020 như sau: Vào năm 2018, khi bà đang ở Tây Ninh với con gái thì ở nhà chồng bà là Lê Công V có vay nợ Ngân hàng thương mại cổ phần B chi nhánh H – Phòng giao dịch L, chồng bà vay số tiền bao nhiêu bà không biết. Nay Ngân hàng kiện vợ chồng bà đòi số tiền chồng bà vay 100.000.000 đồng tiền vốn gốc, tiền lãi trong hạn 24.732.900 đồng, lãi quá hạn 11.568.965 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết số nợ vay theo thông báo thụ lý. Bà đồng ý trả hết nợ cho Ngân hàng nhưng xin Ngân hàng bớt một phần lãi suất, số tiền còn lại bà xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng bà sẽ trả cho Ngân hàng 2.000.000 đồng, thời gian trả nợ tính từ 05/12/2020, cho đến khi trả hết số nợ trên.

Bị đơn ông Lê Công V không có mặt tại phiên tòa. Trong quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ kiện, kể từ khi thụ lý cho đến nay, ông Lê Công V không có mặt ở địa phương được chính quyền địa phương xác nhận ông Lê Công V bỏ địa phương đi đâu không rõ địa chỉ, Tòa án đã tiến hành thủ tục đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai các thủ tục tố tụng theo qui định tại Điều 179 và Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Lê Công V vẫn không có mặt nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Lê Công V.

- Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP B có ý kiến xin giữ nguyên yêu cầu.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, vụ kiện được giải quyết đúng thời hạn quy định. Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ pháp luật nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ kiện vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền hiện còn nợ và lãi phát sinh cho đến khi trả hết khoản nợ vay. Khi vợ chồng ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th trả hết số nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 283686, cấp ngày 17/7/2009, cho vợ chồng ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP B với ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th là bị đơn vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, khi ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th thực hiện giao dịch với Ngân hàng ông bà có địa chỉ rõ ràng, hiện nay ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th vẫn còn hộ khẩu ở ấp V, xã V, huyện G nên theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thông báo tìm ông Lê Công V trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự và thực hiện các thủ tục niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung:** Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với mục đích vay tài sản được quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy giao dịch giữa các đương sự là thỏa thuận vay tài sản. Do vậy, khi các bên xảy ra tranh chấp thì căn cứ vào các quy định về hợp đồng vay tài sản để giải quyết là phù hợp pháp luật.

[4] Tại thời điểm vay nợ Ngân hàng, ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th là vợ chồng, tuy đây là hợp đồng vay tín chấp nhưng do vợ chồng ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th cùng đứng tên vay, mục đích vay trồng lúa và nuôi heo, nhằm phát triển kinh tế gia đình nên căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th cùng phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

[5] Tại hợp đồng tín dụng số HĐTD803201805115, được ký kết ngày 02/02/2018 giữa các bên có quy định về lãi suất, thời hạn vay, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi. Những quy định trong hợp đồng không trái với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th không thực hiện đúng cam kết, kể từ ngày 05/01/2019 khoản vay của ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th đã quá hạn. Do phía ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th đã vi phạm về thời hạn trả nợ nên căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự buộc ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th phải trả khoản nợ vay và lãi phát sinh cho Ngân hàng là phù hợp.

[6] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th phải tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi tất toán khoản vay là phù hợp với nội dung Án lệ số 08/2016AL, ngày 17 tháng 10 năm 2016, của Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

[7] Bà Nguyễn Thị Th có ý kiến xin trả dần số nợ mà Ngân hàng yêu cầu bằng cách trả dần hàng tháng, vào ngày 05/12/2020, bắt đầu trả cho Ngân hàng mỗi tháng bằng 2.000.000 đồng, tuy nhiên, cho đến ngày xét xử 28/4/2021, bà không thực hiện cam kết nên Ngân hàng không đồng ý cho ông bà trả dần số tiền trên vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Th.

[8] Tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần B và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết khoản nợ vay, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí DSST có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th phải nộp 6.561.000 đồng (131.217.284 đồng x 5%).

[10] Ngân hàng không phải chịu án phí vì yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận. Ngân hàng được nhận lại 3.407.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005263, ngày 09/10/2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 26, 35, 39, 48, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 BLTTDS;

- Áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xử: Buộc ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền 131.217.284 (một trăm ba mươi một triệu hai trăm mười bảy nghìn hai trăm tám mươi bốn) đồng, gồm có: Số tiền nợ gốc là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng và lãi suất phát sinh tính đến ngày xét xử theo thỏa thuận trong hợp đồng là 51.217.284 (năm mươi một triệu hai trăm mười bảy nghìn hai trăm tám mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%: Ông Lê Công V và bà Nguyễn Thị Th phải nộp 6.561.000 đồng.

Ngân hàng được nhận lại 3.407.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005263, ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang